

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 789/2026/HS-PT
Ngày 14-9-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hiếu

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Bắc

Ông Hoàng Trí Thức

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Đài Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 712/2026/TLPT-HS ngày 14 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo Nguyễn Đức H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 143/2026/HS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Đức H, sinh ngày 20/12/1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cước công dân số: 077096003090 do Bộ C cấp ngày 07/02/2023; nơi thường trú: số nhà A đường M, tổ B, khu phố A, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: 477/43/19 T, khu phố A, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Mạnh H1, sinh năm 1966 và bà Đinh Thị Mai L, sinh năm 1965; có vợ là Ngô Thị Kim T, sinh năm 1998; có 01 con sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt từ ngày 22/4/2026, tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an Thành phố H (*bị cáo có mặt*).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại nhưng không kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo nên Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức H là nhân viên giao hàng của Công ty Cổ phần G (địa chỉ: số H, đường P, phường M, quận N, Thành phố Hà Nội) ký Hợp đồng dịch vụ số MN.646930-1/2022/HDDV với Công ty ngày 10/05/2022. Nội dung cam kết H có trách nhiệm: *“Giao, nhận hàng hoá theo chỉ dẫn của người quản lý Công ty hoặc theo chỉ định theo phương tiện liên lạc được chỉ định, hướng dẫn của công ty, bao gồm nhưng không giới hạn: email, phần mềm điện thoại, thông báo trên sàn thương mại điện tử, điện thoại; T1 hộ tiền từ khách hàng và nộp lại đầy đủ tiền thu hộ cho Công ty (nếu có); Cập nhật và bàn giao kết quả thực hiện dịch vụ theo đúng yêu cầu cho công ty”*.

Sau khi ký kết hợp đồng H được Công ty phân công làm việc tại kho giao nhận hàng tiết kiệm, Chi nhánh Công ty cổ phần G tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ), địa chỉ: Số A, đường H, thị trấn P, huyện X. Quy trình làm việc, H được Công ty cấp tài khoản mã cod “T582456” để thao tác trên app hệ thống của Công ty, tài khoản này có liên kết với số điện thoại 0394863913 của H. Theo đó, Nguyễn Đức H sẽ nhận các đơn hàng từ nhân viên điều phối kho mang đi giao và thu lại từ khách hàng số tiền đã ghi trên từng đơn. Sau đó phải cập nhật trạng thái giao, nhận trên phần mềm mà công ty cung cấp. Trường hợp giao được thì H mang đến địa chỉ ghi trên đơn hàng giao hàng cho khách, thu tiền theo giá ghi trên đơn hàng và bấm xác nhận tình trạng giao hàng thành công trên ứng dụng. Trường hợp không giao hàng được do không liên hệ được với khách hàng hoặc khách hàng hẹn lại thời gian nhận hàng thì H bấm tình trạng “hẹn lại” (delay) vào ứng dụng, còn nếu khách từ chối nhận hàng thì bấm trạng thái hủy, không thu tiền. Đến cuối ca làm việc, H phải mang toàn bộ số tiền thu hộ được bàn giao lại cho nhân viên điều phối kho. Các đơn hàng chưa giao thành công cũng phải đưa về kho để bàn giao lại cho nhân viên điều phối kho.

Sau khi làm việc tại Công ty khoảng 02 tuần, biết quá trình kiểm soát của công ty có kẽ hở nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Trong quá trình giao hàng cho khách, H giữ lại mã đơn hàng đã giao của ngày hôm trước và ghi nhận trên phần mềm hệ thống của công ty là *“khách hẹn giao lại hoặc không nghe máy”*, những ngày sau đó H tiếp tục sử dụng mã vận đơn trên để nhiều lần cập nhật trạng thái *“hẹn giao lại”* nhằm kéo dài thời gian xử lý đơn hàng để công ty không phát hiện nhưng thực chất là đã giao hàng và lấy tiền của khách. H chỉ thực hiện đối với đơn hàng có giá trị cao từ 1.000.000 đồng trở lên và chỉ 01 đến 02 đơn/ngày. Với thủ đoạn như trên, H nhiều lần chiếm đoạt tài sản của công ty từ ngày 09/6/2022 đến 17/6/2022, cụ thể:

Ngày 09/6/2022, H đến Công ty nhận các đơn hàng để thực hiện việc mang đi giao cho khách, trong đó có đơn hàng (mã vận đơn Q25.1446196376) của đơn vị bán hàng “Balo phượt”, địa chỉ 12/8 V, đường D, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (cũ), giá trị đơn hàng là 3.350.000 đồng, giao đến khách hàng tên “Cậu út” tức ông Nguyễn Xuân T2, địa chỉ ấp E, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ). Lúc 09 giờ 29 phút cùng ngày, H giao đơn hàng trên cho ông T2, thu số tiền 3.350.000 đồng rồi chiếm đoạt số tiền trên.

Ngày 10/6/2022, H nhận 02 đơn hàng có mã vận đơn Q25.1177340707 và Q25.1497283733 của shop “Balo phượt” có giá trị hàng hóa 3.400.000 đồng và 2.700.000 đồng giao đến khách hàng tên “Thực” tức ông Nguyễn Xuân T2 có địa chỉ nhận hàng như trên. Lúc 10 giờ 58 phút, H đã giao 02 đơn hàng trên cho ông T2, thu số tiền 6.100.000 đồng rồi chiếm đoạt.

Tiếp đó, lúc 11 giờ 19 phút ngày 10/6/2022, H nhận giao đơn hàng mã vận đơn Q12.1465347239 của shop “Miu 2hand”, địa chỉ 729/5 N, hẻm C N, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (cũ) giao cho khách hàng Ngô Thị H2 ở P, xã H, huyện X (cũ), thu số tiền 1.500.000 đồng rồi chiếm đoạt.

Ngày 11/6/2022, H nhận giao đơn hàng mã Q19.1871833951 của shop “Trang Thùy Phương T3 chuyên hàng Quảng Châu thiết kế”, địa chỉ thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (cũ) giao cho khách hàng “Muon Dang” tức bà Đặng Thị M ở ấp P xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ), thu hộ số tiền 980.000 đồng rồi chiếm đoạt.

Ngày 14/6/2022, H nhận đơn hàng mã Q12.1507020713 của S “Tina”, địa chỉ số I T, biệt thự L, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (cũ) giao cho khách hàng “Mỹ Dung” tức bà Nguyễn Thị Mỹ D ở ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ), thu hộ số tiền 1.512.500 đồng rồi chiếm đoạt.

Ngày 16/6/2022, H nhận đơn hàng mã Q27.1770833938 của S “Nha bong” địa chỉ 105/34 T 10 Công ty TNHH P đường phố T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (cũ) giao cho khách hàng “Mỹ Linh” tức bà Trần Thị Mỹ L1 ở ấp G xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ), thu hộ số tiền 2.232.500 đồng rồi chiếm đoạt.

Ngày 17/6/2022, H nhận đơn hàng có mã vận đơn Q25.1625852911 của shop T4, địa chỉ: 5 C lẻ 4 C, Phường C, Quận C, TP . (cũ) giao cho khách hàng “Phương Lai” tức ông Nguyễn Xuân T2 ở xã H, thu số tiền 1.000.000 đồng và chiếm đoạt.

Tiếp đó trong ngày 17/6/2022, H còn giao đơn hàng có mã vận đơn Q26.1977549574 của shop “Chồn Case”; địa chỉ số 8a/1/33 V, phường B, thành phố V, Nghệ An (cũ) do Công ty G phân công giao cho khách hàng “Su Su” tức bà Nguyễn Thị Thúy H3 tại ấp F, xã H, huyện X (cũ) thu hộ số tiền 550.000 đồng, sau đó chiếm đoạt.

Ngoài ra, ngày 04/5/2022, H giao đơn hàng mã vận đơn Q25.1129735960 (nội dung: “Cây giống”, giá trị 105.000 đồng, phí vận chuyển 52.000 đồng) của shop Nguyễn Hữu K, địa chỉ: xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (cũ) cho chị Hoàng Thị X ở ấp E xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ) nhưng chị X từ chối nhận do cây giống bị chết. H không thực hiện việc báo về và hoàn trả hàng nên phải bồi thường cho Công ty số tiền 52.000 đồng để Công ty trả lại tiền cho người bán (Quy định tại khoản 4.2, Điều 4 của Hợp đồng dịch vụ).

Sau khi thu tiền từ khách đối với các đơn hàng trên H không nộp về cho công ty theo quy định mà sử dụng mã vận đơn của các đơn hàng nhiều lần cập nhật trạng thái “delay” (hoãn) với lý do khách hẹn lại thời gian nhận hàng nhằm

kéo dài thời gian xử lý đơn hàng, tránh bị công ty phát hiện. Tổng cộng H chiếm đoạt 09 đơn hàng với tổng số tiền là 17.225.000 đồng. Đến ngày 17/6/2022, Công ty kiểm tra trên hệ thống 10 đơn hàng (có giá trị cao) của H giao đã quá thời hạn giao hàng cho khách, nhưng vẫn cập nhật trạng thái “delay” (hoãn), H không về chốt ca, không giao lại tiền thu hộ. Công ty đã liên hệ với khách hàng và yêu cầu H đến giải quyết nhưng không được nên đã trình báo Cơ quan Công an. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Đức H khai nhận hành vi của mình như trên.

2. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 143/2026/HS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tham ô tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/4/2026.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

3. Ngày 09/7/2026, bị cáo Nguyễn Đức H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

4. Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Bị cáo có kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tham ô tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới đủ căn cứ để được giảm nhẹ hình phạt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

5. Bị cáo không tranh luận gì thêm, nói lời sau cùng thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức H làm và gửi trong thời hạn luật định nên hợp lệ, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] *Về tội danh và điều luật áp dụng:*

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, các chứng cứ đã được thẩm tra có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, thể hiện:

Trong thời gian từ ngày 09/6/2022 đến ngày 17/6/2022, Nguyễn Đức H là nhân viên giao hàng thuộc Chi nhánh Công ty Cổ phần G tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ), ký Hợp đồng dịch vụ số MN.646930-1/2022/HĐDV với Công ty ngày 10/5/2022, được Công ty giao nhiệm vụ quản lý các đơn hàng, trực tiếp giao hàng cho khách, thu tiền hộ và có trách nhiệm nộp lại đầy đủ số tiền thu hộ cho Công ty theo quy định.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, lợi dụng chức trách, nhiệm vụ được giao quản lý số tiền thu hộ của khách hàng, Nguyễn Đức H nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền thu hộ của Công ty bằng cách sau khi giao hàng và thu tiền của khách thì không nộp lại cho Công ty mà sử dụng các mã vận đơn đã giao thành công để nhiều lần cập nhật trạng thái “Delay” (hẹn giao lại) trên hệ thống nhằm che giấu hành vi phạm tội, kéo dài thời gian xử lý đơn hàng để tránh bị phát hiện. Bằng thủ đoạn này, H đã chiếm đoạt tiền thu hộ của 09 đơn hàng cụ thể: Ngày 09/6/2022 chiếm đoạt số tiền 3.350.000 đồng, ngày 10/6/2022 lần lượt các đơn hàng là 6.100.000 đồng (gồm 02 đơn giao cùng lúc cho 01 khách hàng) và đơn 1.500.000 đồng, ngày 11/6/2022 là 980.000 đồng, ngày 14/6/2022 là 1.512.500 đồng, ngày 16/6/2022 là 2.232.500 đồng, ngày 17/6/2022 lần lượt các đơn hàng 1.000.000 đồng và 550.000 đồng. Tổng số tiền H chiếm đoạt là 17.225.000 đồng. Ngoài ra, H có trách nhiệm bồi thường 01 đơn hàng trị giá 52.000 đồng ngày 04/5/2022 do khách hàng từ chối nhận nhưng H không thực hiện việc báo và hoàn trả hàng về cho công ty.

Hành vi của bị cáo H đủ yếu tố cấu thành tội “*Tham ô tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo với tội danh trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] *Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo:*

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến hoạt động và uy tín, quyền sở hữu tài sản hợp pháp, ảnh hưởng đến sự hoạt động bình thường về tài chính của doanh nghiệp. Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xem xét toàn diện hành vi của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; bồi thường thiệt hại cho Công ty, áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo là hoàn toàn có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tham ô tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo bổ sung đơn xin giảm nhẹ hình phạt của Công ty - đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; tuy nhiên tình tiết trên chưa đủ căn cứ để giảm nhẹ hình phạt. Do đó, Hội

đồng xét xử thống nhất không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm.

[4] *Về án phí hình sự phúc thẩm:* Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức H; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 143/2026/HS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ: điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tham ô tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/4/2026.

2. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 143/2026/HS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Đức H phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hồ Chí Minh;
- Công an TP Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân khu vực 14;
- Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 14;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14;
- Bị cáo;
- Lưu VT, Tòa HS, hồ sơ vụ án. (59)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Hiếu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Trí Thức

Trần Minh Bắc

Nguyễn Thành Hiếu